

- Yêu cầu doanh nghiệp B.O.T báo cáo về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp B.O.T, tình hình kỹ thuật công trình B.O.T, tình hình sửa chữa, duy tu bảo dưỡng công trình B.O.T bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết;

- Thực hiện hoặc yêu cầu các cơ quan khác của Nhà nước thực hiện các yêu cầu hợp pháp của doanh nghiệp B.O.T trong quá trình xây dựng và kinh doanh công trình B.O.T.

9. Hỗ trợ doanh nghiệp B.O.T trong trường hợp khan hiếm dịch vụ công ích.

a) Trường hợp nguồn cung cấp điện, cung cấp nước và các dịch vụ công ích khác không thỏa mãn yêu cầu của sản xuất và đời sống trên phạm vi địa phương, nơi thực hiện dự án B.O.T, thì doanh nghiệp B.O.T được hưởng chế độ ưu tiên như các doanh nghiệp khác cùng cung cấp các dịch vụ nói trên trong suốt quá trình xây dựng và kinh doanh công trình B.O.T. Trong trường hợp doanh nghiệp B.O.T cần lắp đặt một mạng lưới cung cấp riêng, thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng B.O.T và cơ quan cung cấp dịch vụ đó có trách nhiệm hỗ trợ doanh nghiệp B.O.T hoàn thành kịp thời công trình đó theo yêu cầu của doanh nghiệp B.O.T.

b) Đối với trường hợp có hạn chế về đối tượng sử dụng: ví dụ, trong quá trình xây dựng công trình B.O.T, xe và phương tiện cơ giới khác phục vụ cho xây dựng công trình B.O.T phải đi qua đoạn đường hoặc phố cấm xe vận tải và cơ giới. Trong trường hợp này, cơ quan nhà nước hướng dẫn để doanh nghiệp B.O.T được phép sử dụng đoạn đường đó trong một thời gian nhất định trong ngày, khi mật độ sử dụng thấp nhất (chẳng hạn như từ 11 giờ đêm đến 5 giờ sáng), cho đến khi hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

10. Về kinh phí để cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng B.O.T thực hiện chức năng của mình.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng B.O.T được ngân sách cấp kinh phí hợp lý để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 41 và 42 của Quy chế B.O.T trong nước.

Ngân sách trung ương cấp kinh phí cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng B.O.T dự án nhóm A.

Ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp kinh phí cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng B.O.T dự án nhóm B và C trên phạm vi địa phương.

11. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị cơ quan nhà nước các cấp và các tổ chức có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TRẦN XUÂN GIÁ

**BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ
MÔI TRƯỜNG**

**THÔNG TƯ số 1100-TT/MTg ngày
20-8-1997 hướng dẫn lập và
thẩm định Báo cáo đánh giá tác
động môi trường đối với các dự
án đầu tư.**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội thông qua ngày 27-12-1993;

Căn cứ Nghị định số 22-CP ngày 22-5-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 175-CP ngày 18-10-1994 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 42-CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12-CP ngày 18-2-1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn các nội dung và quy trình lập và thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với các dự án đầu tư trong nước và nước ngoài tại Việt Nam.

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Theo quy định của Điều 9 Chương 3 Nghị định số 175-CP của Chính phủ về hướng dẫn lập báo cáo ĐTM.

2. Theo quy định tại Điều 5 của Nghị định số 42-CP và Điều 39 của Nghị định số 12-CP, do tính chất, hình thức hoạt động, trình độ công nghệ, quy mô và địa điểm thực hiện Dự án... nên mức độ tác động đến môi trường của các Dự án rất khác nhau. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường công bố danh mục các Dự án thành 3 loại:

2.1. Các Dự án không phải lập báo cáo ĐTM (Phụ lục I).

2.2. Các Dự án không thuộc Phụ lục I và II, phải lập báo cáo ĐTM chi tiết.

2.3. Các Dự án phức tạp về tính chất hoạt động sản xuất hoặc về địa điểm thực hiện Dự án phải lập báo cáo ĐTM theo 2 bước (Phụ lục II):

Bước 1: Khi xin cấp Giấy phép đầu tư, phải lập báo cáo ĐTM sơ bộ;

Bước 2: Sau khi có Giấy phép đầu tư, lập báo cáo ĐTM chi tiết và thông qua thủ tục thẩm định trước khi khởi công xây dựng.

3. Những Dự án bao gồm nhiều công đoạn sản xuất, được thực hiện ở nhiều địa điểm khác nhau, hoặc tính chất sản xuất/công nghệ ở các công đoạn khác hẳn nhau (những Dự án gồm: nhà

máy, khu sản xuất/khai thác nguyên liệu, bến cảng/ga xe lửa chuyên dùng...) mỗi công đoạn phải lập báo cáo ĐTM riêng.

4. Thời gian thẩm định môi trường để cấp Giấy phép đầu tư:

a) Đối với báo cáo ĐTM sơ bộ không quá 15 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ còn có thiếu sót, cơ quan thẩm định môi trường sẽ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định đầu tư biết để yêu cầu Chủ đầu tư bổ sung trong thời hạn 7 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ Dự án.

b) Đối với báo cáo ĐTM chi tiết không quá 60 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ thẩm định còn có thiếu sót, cơ quan thẩm định phải thông báo cho Chủ đầu tư biết để hoàn chỉnh hồ sơ trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ Dự án.

5. Kết quả thẩm định báo cáo ĐTM là một trong những căn cứ để xét duyệt, cấp phép xây dựng và kiểm tra các công trình xử lý môi trường của Dự án (khi Dự án kết thúc xây dựng) trước khi cấp giấy phép đạt tiêu chuẩn môi trường và cho phép hoạt động.

II. CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

1. Giai đoạn xin cấp Giấy phép đầu tư hoặc lập báo cáo tiền khả thi (nếu có); nghiên cứu khả thi:

1.1. Các Dự án thuộc loại 1 (không phải lập báo cáo ĐTM), nhưng trong hồ sơ xin cấp Giấy phép đầu tư phải giải trình các yếu tố có thể có tác động tiêu cực đến môi trường và nêu các giải pháp xử lý chất thải để đạt Tiêu chuẩn về môi trường Việt Nam ban hành theo Quyết định số 2920-QĐ/MTg ngày 21-12-1996 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, đồng thời cam kết tuân thủ các quy định của Nhà nước Việt Nam về bảo vệ môi trường.

1.2. Các Dự án thuộc loại 2:

Trong Giải trình Kinh tế - Kỹ thuật (hoặc còn gọi là Báo cáo nghiên cứu khả thi) của Dự án khi xin cấp Giấy phép đầu tư (quy định của Điều 14 Nghị định số 42-CP và các Điều 10, 13 và 27 Nghị định số 12-CP), phải có một phần hay một chương riêng nêu sơ lược các yếu tố có ảnh hưởng đến môi trường của Dự án (nội dung theo Phụ lục III). Đó là cơ sở cho các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường xem xét trong quá trình thẩm định hồ sơ.

1.3. Các Dự án thuộc loại 3:

Những Dự án thuộc loại này phải tiến hành theo 2 bước:

- Bước 1: Lập báo cáo ĐTM sơ bộ riêng (theo Phụ lục IV) và nộp theo báo cáo tiền khả thi được quy định ở Điều 13 Nghị định số 42-CP (bước nghiên cứu tiền khả thi) và hồ sơ xin cấp phép đầu tư được quy định ở các Điều 10, 13 và 27 của Nghị định số 12-CP. Đây là một trong những căn cứ để xét cấp Giấy phép đầu tư.

Nếu báo cáo ĐTM sơ bộ đã giải trình rõ công nghệ sản xuất, nguyên liệu, nhiên liệu, đánh giá mức độ và phạm vi tác động tiêu cực đối với môi trường, trình bày được các phương án giảm thiểu và công nghệ xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam (quy định ở mục II.1.1 trên) thì Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có thể xem xét và miễn khâu lập báo cáo ĐTM chi tiết.

- Bước 2: Lập báo cáo ĐTM chi tiết, được quy định ở mục 2 dưới đây.

2. Giai đoạn thiết kế, xây dựng:

Các Dự án thuộc loại 2 và 3, sau khi Dự án được cấp Giấy phép đầu tư và khẳng định địa điểm xây dựng, Chủ Dự án phải lập báo cáo ĐTM chi tiết và nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thẩm định theo phân cấp được quy định trong Phụ lục II của Nghị định số 175-CP.

Quyết định phê chuẩn báo cáo ĐTM là căn cứ để cơ quan cấp giấy phép xây dựng cho phép khởi

công và cùng cơ quan quản lý môi trường xét duyệt thiết kế công trình và hệ thống xử lý ô nhiễm.

Nội dung của báo cáo ĐTM chi tiết được quy định ở Phụ lục I.2, Nghị định số 175-CP.

Hồ sơ cần nộp để thẩm định gồm:

- Đơn xin thẩm định báo cáo ĐTM của Chủ Dự án gửi cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (theo mẫu quy định).

- Báo cáo ĐTM chi tiết gồm 9 bản bằng tiếng Việt, trường hợp Dự án đầu tư trực tiếp từ nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài phải nộp thêm 1 bản bằng tiếng Anh.

- Giải trình Kinh tế - Kỹ thuật (Báo cáo nghiên cứu khả thi) 1 bản.

3. Giai đoạn kết thúc xây dựng:

Kết thúc giai đoạn xây dựng, trước khi công trình được phép đưa vào sử dụng, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có nhiệm vụ

- Phối hợp với cơ quan cấp Giấy phép xây dựng tiến hành kiểm tra các công trình xử lý chất thải và các điều kiện an toàn khác theo quy định bảo vệ môi trường.

- Nếu phát hiện công trình không đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường đã được duyệt, thì yêu cầu Chủ dự án có biện pháp xử lý theo đúng báo cáo ĐTM đã được thẩm định mới cho phép hoạt động. Khi các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được Chủ dự án tuân thủ thực hiện, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường sẽ cấp Giấy phép đạt tiêu chuẩn môi trường.

Cấp nào thẩm định báo cáo ĐTM thì cấp đó chịu trách nhiệm kiểm tra và cấp giấy phép đạt tiêu chuẩn môi trường. Nhưng bất cứ trường hợp nào cũng phải phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở địa phương.

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

Do đặc thù của nhiều loại hình hoạt động và quy mô của các Dự án có ảnh hưởng tới môi trường ở mức độ khác nhau và để phù hợp với công tác quản lý nhà nước, việc thẩm định báo cáo ĐTM được phân cấp như sau:

- Theo quy định của Điều 18 Luật Bảo vệ môi trường, đối với những dự án có ảnh hưởng lớn đến môi trường sẽ do Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét. Thời gian xem xét do Quốc hội quy định.

- Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thẩm định các Dự án thuộc nhóm A theo quy định của Nghị định số 42-CP, Nghị định số 12-CP, Phụ lục II của Thông tư này và các Dự án đã được phân cấp theo Nghị định số 175-CP.

- Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thẩm định các Dự án còn lại của Nghị định số 12-CP, Nghị định số 42-CP và theo phân cấp trong Nghị định số 175-CP.

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường trực tiếp thẩm định và ra quyết định phê chuẩn báo cáo ĐTM của Dự án đã được phân cấp.

Một số Dự án không thuộc thẩm quyền thẩm định của địa phương, nhưng xét thấy địa phương có đủ năng lực thẩm định, Ủy ban Nhân dân tỉnh hoặc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nếu đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh ủy quyền) có thể đề nghị bằng văn bản gửi Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xin ủy quyền thẩm định. Chỉ khi nào có giấy ủy quyền của Bộ mới tiến hành thẩm định và kết quả thẩm định đó mới có giá trị pháp lý. Thời hạn Bộ cấp giấy ủy quyền là 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị với đầy đủ hồ sơ Dự án.

Khi báo cáo ĐTM sơ bộ được chấp nhận hoặc không chấp nhận, cơ quan thẩm định môi trường sẽ thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp Giấy

phép đầu tư (theo nguyên tắc một cửa) biết lý do cụ thể để xem xét khi cấp Giấy phép cho Dự án.

Khi báo cáo ĐTM chi tiết được chấp nhận, cơ quan thẩm định sẽ ra quyết định phê chuẩn. Quyết định này được gửi cho: Chủ Dự án, Ủy ban Nhân dân tỉnh hoặc thành phố và Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường nơi Dự án được triển khai (nếu Dự án thuộc diện Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thẩm định), Bộ quản lý ngành. Những Dự án thuộc diện địa phương thẩm định cũng phải gửi kết quả thẩm định báo cáo cho Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ngay sau khi thẩm định.

Nếu báo cáo ĐTM chi tiết không được chấp nhận, cơ quan thẩm định phải có văn bản thông báo cho Chủ Dự án và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan biết lý do cụ thể.

IV. VỀ TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

Tất cả các Dự án thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam đều phải áp dụng Tiêu chuẩn môi trường Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành theo Quyết định số 2920-QĐ/MTg ngày 21-12-1996. Dự án thực hiện ở những địa phương đã có tiêu chuẩn môi trường riêng, phải áp dụng tiêu chuẩn môi trường địa phương, đặc biệt đối với những vùng nhạy cảm về môi trường hoặc khu vực trọng điểm về bảo vệ môi trường. Nhưng nhất thiết những tiêu chuẩn này không được thấp hơn tiêu chuẩn do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành.

Trường hợp các tiêu chuẩn cần áp dụng, mà trong tiêu chuẩn về môi trường Việt Nam chưa quy định, Chủ Dự án có thể áp dụng các tiêu chuẩn đã được quy định trong Tiêu chuẩn tạm thời năm 1993 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hoặc tham khảo tiêu chuẩn tương đương của nước có công nghệ và thiết bị chuyển giao vào Việt Nam hoặc tiêu chuẩn tương đương của nước thứ ba, nhưng chỉ sau khi được phép

bằng văn bản của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường các tiêu chuẩn này mới được áp dụng.

V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Thông tư này thay thế Thông tư số 715-MTg do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành ngày 3-4-1995.

- Những Dự án được quy định ở Phụ lục II Thông tư này (thuộc diện phải lập báo cáo ĐTM 2 bước):

Nếu đã được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa lập báo cáo ĐTM chi tiết, thì tiếp tục lập báo cáo ĐTM chi tiết và nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thẩm định.

Nếu đang chờ xét cấp Giấy phép đầu tư thì phải lập báo cáo ĐTM sơ bộ bổ sung vào hồ sơ xin cấp Giấy phép.

- Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành.

K.T. Bộ trưởng

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Thị trường

CHU TUẦN NHA

Phu lục I

LOẠI DỰ ÁN KHÔNG PHẢI LẬP BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
KHI XIN GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ

1. Văn phong tư văn.
2. Trụ sở làm việc.
3. Ngân hàng, tài chính, kiểm toán.

4. Dịch vụ bưu chính viễn thông (trừ các đài phát sóng cao tần).

5. Giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học (không có các xưởng thực nghiệm, phòng thí nghiệm có các chất thải độc hại).

6. Giám định (trừ các cơ quan giám định kỹ thuật có sử dụng các hóa chất độc hại, vật liệu dễ cháy nổ/phóng xạ).

7. Cơ sở phát hành báo chí, nhà xuất bản (không gồm nhà in).

8. Đài phát thanh, truyền hình (bao gồm cả cột phát sóng < 100m).

9. Khách sạn (dưới 100 phòng và không kèm theo các công trình bể bơi, sân golf).

10. Trung tâm thương mại, siêu thị.

11. Dịch vụ kinh doanh.

12. Dịch vụ ăn uống.

13. Lắp ráp cơ khí (không có các công đoạn sơn, mạ, gia công chi tiết máy...).

14. Lắp ráp điện tử (không có công đoạn chế tạo chi tiết, sơn, mạ).

15. Gia công may mặc.

16. Kéo sợi, dệt (trừ nhuộm, tẩy, in hoa).

17. Gia công hàng tiêu dùng: đóng giấy, dụng cụ văn phòng, đóng sách vở, may đồ da/vải bạt... (trừ sản xuất mực in các loại), với số lượng dưới 10 công nhân.

18. Gia công đồ gỗ (trừ việc ngâm tẩm bảo quản gỗ).

19. Gia công đồ thủ công mỹ nghệ.

20. Khu di dân < 100 hộ.

21. Trạm phát điện bằng sức gió/năng lượng mặt trời.

22. Trạm thủy điện nhỏ < 10 KWA.

23. Công trình thủy lợi nhỏ, tưới tiêu < 100 ha.

24. Trồng rừng, trồng cây công nghiệp tập trung < 50 ha.

25. Phòng khám chữa bệnh, trạm y tế < 30 giường bệnh.

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHẢI LẬP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG THEO 2 BƯỚC

1. Khai thác dầu khí trên biển và trên đất liền, đặt đường ống dẫn dầu/khí đốt..., xây dựng tổng kho xăng dầu.

2. Lọc dầu, hóa dầu.

3. Các Dự án có ảnh hưởng trực tiếp (tính theo tầm phát thải của khí thải và nước thải) đến các khu bảo tồn thiên nhiên, các vùng sinh thái nhạy cảm, các khu du lịch. Các vùng có biểu hiện quá tải về môi trường (các khu/vùng này do các Bộ chuyên ngành công bố).

4. Luyện kim.

5. Lò phản ứng hạt nhân.

6. Sân bay.

7. Khu công nghiệp và khu chế xuất.

8. Quy hoạch đô thị, vùng kinh tế trọng điểm.

9. Sản xuất/kho chứa hóa chất, dệt, nhuộm, thuộc da.

10. Nấu bột giấy.

11. Trạm phát sóng cao tần.

12. Cảng nước sâu (tiếp nhận tàu có trọng tải > 10.000 T).

13. Hồ chứa nước, hệ thống thủy lợi/thủy điện (> 10 triệu m³).

14. Đường cao tốc.

15. Khu xử lý rác thải, bãi chôn rác, lò đốt rác, chế biến phân hữu cơ.

16. Khai thác vàng và đất hiếm.

17. Quy hoạch khu xử lý cấp nước > 30.000m³/ngày đêm.

18. Quy hoạch khu xử lý nước thải > 10.000 m³/ngày đêm.

19. Lò thiêu xác (đài hóa thân hoàn vũ).

Phụ lục III

BAO CAO VE CAC YEU TO ANH HUONG DEN MÔI TRƯỜNG

(Có thể viết thành một chương hay một phần riêng trong Báo cáo Giải trình Kinh tế - Kỹ thuật khi xin Giấy phép đầu tư).

I. Thuyết minh tóm tắt những yếu tố chính ảnh hưởng tới môi trường.

1. Tư liệu về hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án (chất lượng nước mặt, nước ngầm; chất lượng không khí; đất; hệ sinh thái...). Nhận xét tổng quát mức độ ô nhiễm tại địa điểm sẽ thực hiện Dự án.

2. Mô tả sơ đồ/quy trình công nghệ sản xuất, dự kiến nguyên liệu/nhiên liệu sẽ sử dụng, danh mục hóa chất... (nếu trong Giải trình Kinh tế - Kỹ thuật chưa thuyết minh rõ).

3. Khi thực hiện Dự án, thuyết minh rõ những yếu tố chính sẽ ảnh hưởng tới môi trường do hoạt động của Dự án (ước lượng các loại: khí thải, nước thải, chất thải rắn, tiếng ồn...). Dự đoán mức độ ảnh hưởng có thể xảy ra đối với môi trường.

II. Đề xuất (tóm tắt) giải pháp khắc phục các ảnh hưởng tiêu cực của Dự án đến môi trường.

*Phụ lục IV***NỘI DUNG BÁO CÁO ĐTM SƠ BỘ**

(cho các Dự án thuộc loại phải lập

Báo cáo ĐTM 2 bước)

I. MỞ ĐẦU

1. Mục đích của Báo cáo.
2. Căn cứ số liệu/tài liệu sử dụng trong Báo cáo.
3. Mô tả tóm tắt hoạt động của Dự án (nguyên liệu, sơ đồ công nghệ, sản phẩm, nhiên liệu, hệ thống phụ trợ).

II. CÁC SỐ LIỆU VỀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG

Đánh giá định tính (hoặc nếu có thể định lượng bằng các bảng số liệu) về hiện trạng các yếu tố môi trường nơi sẽ thực thi Dự án. Định tính ô nhiễm theo mức độ: nặng, trung bình, nhẹ, chưa rõ cho từng yếu tố môi trường tự nhiên (đất, nước mặt/nước ngầm, không khí, hệ sinh thái...).

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đánh giá khái quát từng yếu tố môi trường và nhấn mạnh các yếu tố bị ảnh hưởng chủ yếu do hoạt động của Dự án:

1. Khí thải: từ công đoạn nào, chất gây ô nhiễm, dự báo tải lượng...
2. Nước thải: từ công đoạn nào, chất gây ô nhiễm, dự báo tải lượng...
3. Chất thải rắn: phân loại thành phần số lượng.
4. Các yếu tố khác: tiếng ồn, nhiệt...
5. Các sự cố có khả năng xảy ra: cháy, nổ, tràn dầu, rò rỉ khí độc, phóng xạ...

6. Đánh giá khả năng ảnh hưởng đến từng yếu tố môi trường, không khí, nước, đất, hệ sinh thái...

7. Các ảnh hưởng liên quan khác.

IV. DỰ KIẾN CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU**V. PHỤ LỤC**

1. Sơ đồ vị trí thực thi Dự án, có đánh dấu và ghi chú rõ tên và loại hình sản xuất của các cơ sở sản xuất, các Dự án đã có trước đó, các điểm dân cư trong khu vực... có khả năng chịu ảnh hưởng tương tác về mặt môi trường.

2. Các bảng biểu, số liệu thuyết minh các vấn đề môi trường liên quan (nếu có).

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 56-TC/NSNN ngày 21-8-1997 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 100-QĐ/TƯ ngày 3-6-1995 của Ban Bí thư Trung ương về kinh phí hoạt động của Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

Căn cứ Quyết định số 100-QĐ/TƯ ngày 3-6-1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; căn cứ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định số 87-CP ngày 19-12-1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành, quyết toán ngân sách nhà nước; Bộ Tài chính nung đúc một số điểm về kinh phí hoạt động của Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện như sau: